

Bản án số: 12/2017/HSST

Ngày: 08/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lâm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Răng.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Huyện đoàn Mỹ Tú.

2. Ông Lý Thanh Phong.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội Nông dân huyện Mỹ Tú.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy An** - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Liệt** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2017/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H1, sinh năm 1965, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; cư trú tại ấp M, TT. H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc Kinh; con ông Nguyễn Văn S (c) và bà Nguyễn Thị G (c); có vợ Nguyễn Thị B và 02 con; tiền sự không; tiền án có 01 tiền án, vào ngày 26 tháng 02 năm 1993 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 09 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06 tháng 8 năm 1993, còn về phần trách nhiệm dân sự và án phí đến nay chưa chấp hành; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Cháu **Nguyễn Thị Anh Th**, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2012; cư trú tại ấp M, TT. H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1967; cư trú tại ấp M, TT. H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp buôn bán; là mẹ ruột của người bị hại; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại: Ông **Nguyễn Vĩnh Ph**, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Vĩnh Ph, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1959; cư trú tại ấp M, TT. H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn H1 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo H1 và người bị hại Th cư trú cùng ấp với nhau. H1 cũng là người thường đi làm phụ hồ và nhậu chung với ông Nguyễn Văn H2 (cha của cháu Th). Vào khoảng 09 giờ sáng ngày 06 tháng 4 năm 2017, H1 mua rượu lại nhà ông H2 để nhậu. Lúc H1 và ông H2 nhậu thì có cháu Th ở nhà. Hai người nhậu đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì nghỉ. Ông H2 do mệt nên ngủ, còn H1 thì đi về. Khi đi được khoảng 100m, H1 đứng lại tiểu. Lúc này, cháu Th cũng đi theo H1 và ngồi tiểu kế bên. Sau khi tiểu xong, H1 quay qua thấy cháu Th đang kéo quần lên thì H1 dùng tay phải nắm lưng quần cháu Th, còn tay trái dùng ngón trỏ thọt vào âm đạo của cháu Th khoảng 02 phút. Lúc này, ông T đi ngang phát hiện có la H1 nên H1 mới thôi, còn cháu Th thì đi về nhà. Sau đó, cháu Th kể lại cho gia đình nghe. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2017, bà Nguyễn Thị Kim H (mẹ cháu Th) đến công an trình báo sự việc.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 11/TD-PY ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng đã kết luận bộ phận sinh dục của cháu Th không phát hiện tổn thương, màng trinh nguyên, không dẫn, tỷ lệ tổn thương cơ thể do bị xâm hại tình dục là 00%.

Trong quá trình điều tra:

- Bị cáo H1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 30.000.000 đồng, nhưng bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 05/KSĐT ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H1, về tội “Dâm ô đối với trẻ em” theo khoản 1 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo H1 về tội “Dâm ô đối với trẻ em” theo khoản 1 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và cho rằng bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm

1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo H1 từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Về bồi thường thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo H1 bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại Th bằng 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

- Bị cáo H1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo H1 bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại theo quy định của pháp luật là 13.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên và đề nghị chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Bị cáo H1 là người đã thành niên đã có hành vi dùng ngón trỏ tay trái thọt vào âm đạo của cháu Th, là trẻ em (người dưới 16 tuổi), để nhằm thỏa mãn dục vọng của mình nhưng không có ý định giao cấu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì: *“Người nào đã thành niên mà có hành vi dâm ô đối với trẻ em, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội dâm ô đối với trẻ em theo khoản 1 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Viện kiểm sát cùng cấp truy tố bị cáo H1 về tội dâm ô đối với trẻ em, theo khoản 1 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo H1 là nguy hiểm đáng kể cho xã hội, đã xâm phạm vào sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của cháu Th, xâm phạm vào danh dự, nhân phẩm của con người, làm ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục và trái đạo đức xã hội; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đồng thời, bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện việc bị cáo có 01 tiền án về tội cố ý gây thương tích, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội dâm ô đối với trẻ em, là thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian hợp lý, để nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật và đồng thời, nhằm để giáo dục, phòng ngừa chung đối với mọi người. Tuy nhiên, tại cơ

quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 4 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì: *“Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thì nghề nghiệp của bị cáo là làm thuê, việc phạm tội của bị cáo không liên quan đến nghề nghiệp của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Người đại diện hợp pháp của người bị hại Th yêu cầu bị cáo H1 bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật là 13.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản 2 Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định: *“Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”*. Mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện nay theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ là 1.300.000 đồng/tháng. Như vậy, bị cáo H1 là người đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của cháu Th nên có trách nhiệm bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho cháu Th. Tại phiên tòa, bị cáo H1 và người đại diện hợp pháp của cháu Th không thỏa thuận được nên căn cứ quy định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của cháu Th, buộc bị cáo H1 bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho cháu Th bằng 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, tương đương với số tiền là 13.000.000 đồng.

[5] Như vậy, tại phiên tòa, Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền lợi cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo H1 từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù, là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo H1 bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho cháu Th 13.000.000 đồng cũng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo H1 là người bị kết án và cũng là người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn H1** phạm tội “Dâm ô đối với trẻ em”.

Áp dụng khoản 1 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng khoản 2 Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ, quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại Nguyễn Thị Anh Th, có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim H, với số tiền là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

3. Án phí:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- CQ.THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm

